TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 01- 2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương

2. Ông Phạm Quốc Vượng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 248/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N T N T– Sinh năm 1997
Nơi cư trú: Tổ 10, ấp H Lập A, xã T H, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Anh L T T– Sinh năm 2000
Nơi cư trú: Tổ 7, ấp Q L B, xã T L, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N T N T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N T N T và anh L T T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đúng phong tục tập quán của người Việt Nam và đúng quy định của pháp luật. Tuy qúa trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, vợ chồng thường xuyên gây lộn, không hiểu nhau, không thống nhất được quan điểm sống. Vợ chồngcũng đã tự hòa giải nhiều lần và tiếp tục sinh sống với nhau kéo dài nhưng cuối cùng không đi đến kết quả, hiện cũng đã sống ly thân, cuộc sống căng thẳng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L T T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên L Q A, sinh ngày 26/10/2020. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị T không mang thai. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 20/10/2023, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị N T N T về thời gian đăng ký kết hôn, nơi kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do về không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau. Nay chị N T N T làm đơn xin ly hôn thì anh L T T đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị T là trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên L Q A, sinh ngày 26/10/2020. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, vì lý do công việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã xác định được vợ chồng chị N T N T, anh L T T có mâu thuẫn, không thể hòa giải đoàn tụ cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N T N T đối với anh L T T. Về con chung giao con chung cho anh L T T nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh L T T có nơi cư trú tại xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình

Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị N T N T, anh L T T là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Chị T cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Chị T cũng thừa nhận: Về quan hệ hôn nhân giữa anh T và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của chị T là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra anh T cũng đồng ý ly hôn vì không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N T N T chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh L T T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên L Q A, sinh ngày 26/10/2020 hiện tại đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn anh T và chị T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều thừa nhận con chung đang sống chung với anh T. Theo xác nhận của trưởng ấp Quản Lợi, xã Tân Lợi ngày 30/11/2023 thì khoảng 06 tháng trở lại đây chị T không có mặt tại địa phương xã Tân Lợi. Quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp cho tòa án Hợp đồng lao động đi làm công nhân và sao kê tài khoản tiền gửi thể hiện thu nhập hàng tháng của chị T trung bình khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ; anh T cũng cung cấp cho tòa án sao kê tài khoản tiền gửi thể hiện thu nhập hàng tháng của anh T trung bình khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ, ngoài ra bị đơn anh T còn cung cấp anh T là chủ sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ 22 diện tích 6.771,5m^2 tọa lạc ấp Quản Lợi B, xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, đất được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 145819, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04694 ngày 27/7/2018. Như vậy cả chị T và anh T đều có điều kiện về kinh tế thu nhập hàng tháng ổn định để nuôi con. Tuy nhiên từ khi con chung sinh ra đến nay cháu sống với anh T và ông bà nội, ngoài điều kiện về thu nhập ổn định hàng tháng thì anh T còn có quyền sử dụng 01 thửa đất để sau này có thể cho con chung sinh sống ổn định, lâu dài. Do con chung đang sống với anh T nên để đảm bảo sự ổn định và phát triển về tâm lý, hoàn cảnh sống của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho anh L T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

- Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng trong vụ án nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị N T N T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình.

[4] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N T N T được ly hôn với anh L T T *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 29/4/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước)*.

2. Về con chung: Giao con chung tên L Q A, sinh ngày 26/10/2020 cho anh L T T trực tiếp nuôi dưỡng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không xem xét. Nợ chung các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị N T N T chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014090 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Lợi;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Đình Thuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Hương Phạm Quốc Vượng Đỗ Đình Thuyên

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Kết qủa biểu quyết 3/3= 100%

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Thanh Hương	Phạm Quốc Vượng	Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Đình Thuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- THA huyện Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Quang Minh **Phan Thị Vui** **Nguyễn Mạnh Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Cơ quan ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Hồng